## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2023-2024

**MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT (Theo ma trận của Bộ giáo dục và đào tạo)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **%****tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***Số CH*** | ***Thời gian*** |
| ***Số CH*** | ***Thời******gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời******gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời******gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời******gian (phút)*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **1.** | **Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai****(1945 - 1949)** | Bài 1: Sự hình thành trật tự thế giới mới sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1949) | 1 | 0,5 | 1 | 1,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 2,5 | 20 |
| **2.** | **Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991).****Liên bang Nga (1991 -****2000)** | Bài 2: Liên Xô và các nước Đông Âu (1945 - 1991). Liên bang Nga (1991 - 2000) | 1 | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **3.** | **Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh (1945****- 2000)** | Bài 3: Các nước Đông Bắc Á | 1 | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Bài 4: Các nước Đông Nam Á vàẤn Độ |
| Bài 5: Các nước châu Phi và Mĩ Latinh |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **4.** | **Mĩ, Tây Âu, Nhật Bản (1945 - 2000)** | Bài 6: Nước Mĩ | 1 | 0,5 | 1 | 1,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | 0 | 2,5 |  |
| Bài 7: Tây Âu |
| Bài 8: Nhật Bản |
| **5.** | **Quan hệ quốc tế (1945****- 2000)** | Bài 9: Quan hệ quốc tế trong và sau thời kì Chiến tranh lạnh | 1 | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **6.** | **Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn****cầu hóa** | Bài 10: Cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hóa nửa sau thế kỉ XX | 1 | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **7.** | **Việt Nam từ năm 1919****đến năm 1930** | Bài 12: Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam từ năm 1919 đếnnăm 1925 | 1 | 0,5 | 1 | 1,0 | 1\* | 15 | 1\*\* | 10 | 5 | 2 | 15 | 50 |
| Bài 13: Phong trào dân tộc dânchủ ở Việt Nam từ năm 1925 đến năm 1930 | 1 | 0,5 | 2 | 2,0 |
| **8.** | **Việt Nam từ năm 1930****đến năm 1945** | Bài 14: Phong trào cách mạng1930 – 1935 | 1 | 0,5 | 1 | 1,0 | 1\* | 1\*\* | 7 |
| Bài 15: Phong trào dân chủ 1936– 1939 | 1 | 0,5 | 1 | 1,0 |
| Bài 16: Phong trào giải phóng dân tộc 1939 – 1945 và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Nước Việt Nam Dân chủ Cộnghòa ra đời | 1 | 0,5 | 2 | 2,0 |
| **9.** | **Việt Nam từ** | Bài 17: Nước Việt Nam Dân chủ | 1 | 0,5 | 1 | 1,0 | 1\* | 1\*\* | 8 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **năm 1945****đến năm 1954** | Cộng hòa từ sau ngày 2/9/1945đến trước ngày 19/12/1946 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Bài 18: Những năm đầu của cuộckháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950) | 1 | 0,5 | 1 | 1,0 |
| Bài 19: Bước phát triển của cuộckháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953) | 1 | 0,5 | 0 | 0 |
| Bài 20: Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp kếtthúc (1953 – 1954) | 2 | 1,0 | 1 | 1,0 |
|  **Tổng** |  | **16** | **8** | **12** | **12** | **01** | **15** | **01** | **10** | **28** | **2** | **45** | **70** |
| **Tỉ lệ (%)** |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **70** | **30** |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** |  | **70** | **30** | **100** | **45** | **100** |

**Lưu ý:**

* Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
* Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
* Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.
* Trong nội dung kiến thức Việt Nam 1919 – 1930, Việt Nam 1930 – 1945, Việt Nam 1945 – 1954: chỉ được chọn một câu mức độ vận dụng và một câu mức độ vận dụng cao ở một hoặc hai trong ba nội dung đó.